TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **T PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/2023/QĐST-DS	*Q, ngày 28 tháng 8 N 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 19 tháng 8 N 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 32/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 3 N 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 6, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ H Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Xuân H - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 714-03/2022/UQ-TCB ngày 12/10/2022.

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng D, sinh N 1984.

ĐKHKTT tại: Bảo Tháp, TDP S, thị trấn Q, huyện Q, T phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tạ Đức T, sinh N 1973

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1975 (vợ ông T).

+ Anh Tạ Ngọc L, sinh N 1998 (con ông T – bà N).

+ Chị Tạ T1, sinh N 2002 (con ông T – bà N).

Cùng ĐKHKTT tại: TDP S, thị trấn Q, huyện Q, T phố Hà Nội.

Ông T, bà N, anh L và chị T1 đã uỷ quyền cho bị đơn - anh Phạm Hoàng D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP K và anh Phạm Hoàng D xác nhận tạm tính đến ngày 05/8/2023, anh D còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 1.384.702.976đ (Một tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm linh hai nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó bao gồm:

a. Số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 40804/HĐTD/TH-TN/TCB-BIZ-KTR ngày 10/01/2011, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 40804 ngày 10/01/2011 là: 1.191.419.335đ (Một tỷ một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm mười chín nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 375.376.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 403.897.087đ (Bốn trăm linh ba triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 412.146.248đ (Bốn trăm mười hai triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng).

- Anh D vẫn phải tiếp tục trả Ngân hàng TMCP K tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/8/2023 cho đến khi tất toán khoản vay của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên, trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ này, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà anh D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

- Ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu anh D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên, theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 07/01/2011 do Văn phòng Công chứng Thăng Long, T phố Hà Nội công chứng số 86.2011/HĐTC-TCB và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên và môi trường huyện Q ngày 10/01/2011.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 740.1, tờ bản đồ số 01 tại thôn S, thị trấn Q, tỉnh Hà Tây (nay là TDP S, thị trấn

Q, huyện Q, T phố Hà Nội). Thửa đất đã được UBND huyện Q cấp Chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 239699 cho hộ ông Tạ Đức T và bà Nguyễn Thị N ngày 03/12/2007.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để thanh toán khoản nợ của anh D theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trênTrường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ này thì anh D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K. Nếu thừa thì trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

b. Số tiền còn nợ của thẻ tín dụng quốc tế theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc Tế ngày 28/11/2011 là 193.283.641đ (Một trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 36.281.067đ (Ba mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 20.300.049đ (Hai mươi triệu, ba trăm nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 136.702.525đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm linh hai nghìn, N trăm hai mươi lăm đồng).

- Kể từ ngày 06/8/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ của thẻ tín dụng này thì anh D vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc Tế trên số dư nợ chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà anh D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về toàn bộ tiền lãi phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên, tính đến ngày 06/7/2023 là 683.618.908đ (Sáu trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm mười tám nghìn, chín trăm linh tám đồng) và lãi phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đó.

2.3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về tiền phí phạt vi phạm Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 40804/HĐTD/TH-TN/TCB-BIZ-KTR ngày 10/01/2011 là 4.120.000đ (Bốn triệu, một trăm hai mươi đồng).

2.4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về tiền phí phạt, lãi phạt trên lãi của thẻ tín dụng quốc tế nói trên, tính đến ngày 06/7/2023 là 88.443.475đ (Tám mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng) và lãi phạt phát sinh kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của thẻ tín dụng này.

2.5. Về án phí: Anh Phạm Hoàng D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 26.770.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền 35.976.000đ (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000562 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy